

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 20/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Kế hoạch số 9481/KH-UBND ngày 18/6/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng và Kế hoạch số 86-KH/ĐU ngày 08/7/2026 của Đảng ủy xã Di Linh về triển khai Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 20/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

UBND xã Di Linh ban hành Kế hoạch Thực hiện Chương trình hành động số 28-CTr/TU, ngày 20/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân và nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch), với các nội dung như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 20/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 9481/KH-UBND ngày 18/6/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng và Kế hoạch số 86-KH/ĐU ngày 08/7/2026 của Đảng ủy xã Di Linh; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đẩy mạnh phát triển nông nghiệp sinh thái, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; nâng cao đời sống Nhân dân, thực hiện giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, văn minh, hiện đại.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai Kế hoạch phải bám sát chủ trương, định hướng của Trung ương, của tỉnh và Đảng ủy xã; phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, bảo đảm đồng bộ, khả thi, hiệu quả và gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và cán bộ phụ trách; phát huy vai trò của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và sự tham gia chủ động của Nhân dân trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phải có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình cụ thể; ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực, địa bàn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các nhiệm vụ có tính đột phá.

- Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và phát huy nội lực của người dân trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhân rộng các mô hình hiệu quả và bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, bền vững; nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh gắn với xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững. Phát huy tiềm năng, lợi thế địa phương để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn; đẩy mạnh liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chuyển đổi số và phát triển kinh tế nông thôn. Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống Nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Về nông nghiệp

- Tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 28,5 - 29%; tốc độ tăng trưởng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt bình quân 5 - 5,5%/năm; giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân đạt trên 350 triệu đồng/ha/năm.

- Năng suất lao động nông nghiệp tăng bình quân 6,5 - 7%/năm.

- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp và dịch vụ nông thôn đạt bình quân khoảng 8%/năm; tỷ lệ giá trị nông sản qua chế biến đạt trên 30%; tỷ lệ nông sản chế biến sâu tăng 2 - 3%/năm; toàn xã phát triển thêm ít nhất từ 10 - 15 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên.

- Tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số đạt trên 25% tổng diện tích sản xuất nông nghiệp; phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn; mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ;

giảm phát thải khí nhà kính gắn với bảo vệ tài nguyên đất, nước và đa dạng sinh học.

- Tăng cường liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác và thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Đẩy mạnh quảng bá và xây dựng được nhãn hiệu chứng nhận cho các nông sản chủ lực, thế mạnh của địa phương, tăng cường năng lực cạnh tranh cho các thương hiệu sản phẩm, nâng cao chất lượng các mặt hàng nông sản.

- Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên đất, nước và bảo vệ đa dạng sinh học.

2.2. Về nông dân

- Thu nhập bình quân của cư dân nông thôn đến năm 2030 tăng khoảng 2,5 - 2,8 lần so với năm 2020; từng bước thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa các khu vực dân cư.

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đến năm 2030 giảm xuống dưới 50%; tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt trên 85%.

- Tỷ lệ nông dân tham gia các hình thức tổ chức sản xuất, liên kết, hợp tác (*tổ hợp tác, hợp tác xã, liên kết với doanh nghiệp*) đạt trên 50%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều theo mục tiêu, kế hoạch hằng năm; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn, từng bước thu hẹp chênh lệch mức sống giữa các nhóm dân cư, bảo đảm an sinh xã hội bền vững.

- Nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, nhận thức về chuyển đổi số, sản xuất nông nghiệp an toàn, thích ứng biến đổi khí hậu cho người dân nông thôn.

2.3. Về nông thôn

- Phân đấu xã Di Linh đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2028.

- Tỷ lệ nghèo đa chiều theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030 giảm từ 1,0 - 1,5%/năm, trong đó tỷ lệ nghèo đa chiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 1,5-2,0%/năm.

- Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó tỷ lệ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 70%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt trên 95%; cảnh quan, môi trường nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn.

- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định 31,77%.

- Hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn từng bước được đầu tư đồng bộ; giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở y tế, thiết chế văn hóa cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển và phục vụ Nhân dân.

- Giữ vững quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã.

3. Định hướng đến năm 2045

Xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, ứng dụng công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao năng lực cạnh tranh; phát triển nông thôn toàn diện, văn minh, hiện đại, hạ tầng đồng bộ, môi trường xanh, sạch, an toàn. Nâng cao thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn; phát huy vai trò của nông dân trong ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn; giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững.

III. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Thống nhất nhận thức và đổi mới tư duy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 20/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 9481/KH-UBND ngày 18/6/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng, Kế hoạch số 86-KH/ĐU ngày 08/7/2026 của Đảng ủy xã Di Linh và Kế hoạch này; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân, nhất là người đứng đầu, về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền; phát huy hiệu quả hệ thống truyền thanh cơ sở, Internet, mạng xã hội, hội nghị, sinh hoạt chi bộ, đoàn thể và các hình thức phù hợp để phổ biến kịp thời chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

- Tuyên truyền, vận động người dân chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp; khuyến khích sản xuất theo hướng sinh thái, an toàn, tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác tham mưu và tổ chức thực hiện; kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy vai trò chủ thể của người dân để nông dân là trung tâm, là chủ thể, là động lực, nguồn lực của quá trình đổi mới

- Đổi mới nội dung, hình thức đào tạo, tập huấn, tuyên truyền theo hướng thiết thực, linh hoạt; tăng cường chuyển giao khoa học, kỹ thuật, nâng cao năng lực quản trị kinh tế hộ, kinh tế tập thể và kỹ năng tham gia chuỗi giá trị cho nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác.

- Tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thị trường và định hướng phát triển kinh tế của địa phương; phân đầu đào tạo từ 500–600 lao động nông thôn mỗi năm, ưu tiên lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số,

thanh niên nông thôn và cán bộ hợp tác xã, tổ hợp tác; chú trọng đào tạo kỹ năng quản lý sản xuất, kinh doanh, thương mại điện tử và tham gia chuỗi giá trị; tăng cường tư vấn, giới thiệu việc làm, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập của người dân.

- Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; khuyến khích liên kết sản xuất, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế trang trại, các mô hình sản xuất hiệu quả; hỗ trợ thanh niên nông thôn khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế nông thôn.

- Triển khai hiệu quả các chính sách, chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân và giảm nghèo bền vững.

3. Cơ cấu lại các phân ngành sản xuất nông nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, hiệu quả và thích ứng với biến đổi khí hậu

3.1. Lĩnh vực trồng trọt

a) Phát triển cơ cấu cây trồng theo lợi thế sinh thái của địa phương

- Tổ chức cơ cấu lại ngành trồng trọt theo hướng phát huy lợi thế về điều kiện tự nhiên, khí hậu và thổ nhưỡng; phát triển các vùng sản xuất tập trung gắn với chế biến, bảo quản và tiêu thụ theo chuỗi giá trị; ưu tiên phát triển các cây trồng chủ lực có lợi thế cạnh tranh, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và thu nhập cho người sản xuất.

- Duy trì ổn định diện tích các cây trồng chủ lực của địa phương, trong đó cà phê khoảng 13.900 ha, chè khoảng 164 ha, cây ăn quả khoảng 2.400 ha (trong đó sầu riêng trên 1.800 ha), mắc ca khoảng 500 ha, hồ tiêu khoảng 215 ha; duy trì diện tích cây hàng năm khoảng 1.454,5 ha, trong đó diện tích gieo trồng lúa khoảng 1.066,5 ha. Đẩy mạnh tái canh, cải tạo giống cà phê trên diện tích già cỗi, năng suất thấp; phát triển mô hình trồng xen cây ăn quả, cây đa mục đích trong vườn cà phê; khuyến khích phát triển cây dược liệu và các cây trồng có giá trị kinh tế phù hợp với điều kiện sinh thái, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất và phát triển sinh kế bền vững.

b) Đẩy mạnh sản xuất trồng trọt theo hướng xanh, chất lượng và bền vững

- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, cơ giới hóa, chuyển đổi số trong sản xuất; áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến như IPM, IPHM, tưới tiết kiệm, sử dụng phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học và các biện pháp canh tác giảm phát thải khí nhà kính; nâng cao hiệu quả sử dụng vật tư nông nghiệp, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường quản lý chất lượng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư đầu vào theo quy định; khuyến khích sử dụng phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, góp phần giảm phát thải và bảo vệ môi trường.

- Mở rộng diện tích sản xuất theo các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ, Rainforest, 4C và các tiêu chuẩn bền vững khác; phấn đấu đến năm 2030 trên

30% diện tích sản xuất đạt tiêu chuẩn an toàn, bền vững, khoảng 1% diện tích trồng trọt đạt tiêu chuẩn hữu cơ, trên 50% diện tích cây ăn quả đủ điều kiện được cấp mã số vùng trồng, 70% diện tích cây trồng chủ lực áp dụng quy trình IPHM, giảm tối thiểu 30% lượng thuốc bảo vệ thực vật hóa học và nâng tỷ lệ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học lên trên 30% tổng lượng sử dụng.

- Phát triển vùng nguyên liệu tập trung gắn với sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích hình thành các mô hình liên kết sản xuất phù hợp với điều kiện của địa phương, nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả sản xuất.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 13/5/2026 của UBND xã về thực hiện Đề án *Sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025–2035, tầm nhìn đến năm 2050* và Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 05/02/2026 về thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt trên địa bàn xã đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3.2. Lĩnh vực chăn nuôi

a) Cơ cấu lại ngành chăn nuôi theo hướng hiện đại, an toàn sinh học và bền vững

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2026–2030 theo hướng hiện đại, an toàn sinh học, ứng dụng khoa học, công nghệ và phát triển bền vững; phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi bình quân giai đoạn 2026–2030 đạt 5–6%/năm, tỷ trọng ngành chăn nuôi chiếm khoảng 13–14% giá trị sản xuất ngành nông nghiệp vào năm 2030.

- Phát triển đàn vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên, lợi thế của địa phương và nhu cầu thị trường; đến năm 2030 quy mô đàn vật nuôi đạt khoảng 160 con trâu, 820 con bò (trong đó 39 con bò sữa), 1.800 con heo và 270.000 con gia cầm.

- Đẩy mạnh chuyển dịch từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung, trang trại, gia trại theo hướng an toàn sinh học, hữu cơ và tuần hoàn; ưu tiên phát triển các vật nuôi chủ lực của địa phương như bò, heo và gia cầm; đẩy mạnh cải tạo giống, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, tận dụng phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất và giảm phát thải.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 10/01/2026 của UBND xã về thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2026–2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Chủ động phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi

- Tổ chức thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật; duy trì công tác tiêm phòng, giám sát dịch bệnh, phát hiện và xử lý kịp thời các ổ dịch; từng bước xây dựng cơ sở, vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh.

- Tăng cường quản lý chất lượng giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và các vật tư đầu vào; kiểm soát chặt chẽ an toàn thực phẩm trong chăn

nuôi, giết mổ và tiêu thụ sản phẩm; từng bước nâng cao tỷ lệ giết mổ tập trung theo mục tiêu của tỉnh.

- Khuyến khích áp dụng các mô hình chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi tuần hoàn; đầu tư và sử dụng hiệu quả các công trình, giải pháp xử lý chất thải như hầm biogas, đệm lót sinh học, chế phẩm vi sinh và các công nghệ phù hợp nhằm giảm ô nhiễm môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và phát triển chăn nuôi bền vững.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 08/01/2026 của UBND xã về phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn xã Di Linh giai đoạn 2026–2030.

3.3. Lĩnh vực lâm nghiệp và phát triển kinh tế rừng

a) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp; phối hợp thực hiện tốt công tác tuần tra, kiểm tra, bảo vệ diện tích rừng hiện có, góp phần duy trì và nâng cao chất lượng rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân, cộng đồng dân cư và các chủ rừng nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; phát huy vai trò của cộng đồng trong bảo vệ rừng gắn với tạo sinh kế ổn định, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Khuyến khích phát triển rừng trồng theo hướng thâm canh, nâng cao chất lượng rừng; ưu tiên trồng cây gỗ lớn, cây bản địa, cây đa mục đích và các loại lâm sản ngoài gỗ phù hợp với điều kiện của địa phương; từng bước áp dụng các tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững nhằm nâng cao giá trị kinh tế rừng.

b) Tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy rừng và bảo vệ tài nguyên rừng

- Thực hiện nghiêm các phương án phòng cháy, chữa cháy rừng theo phương châm "4 tại chỗ"; tăng cường kiểm tra, tuần tra, trực phòng cháy trong mùa khô, chủ động phát hiện và xử lý kịp thời các nguy cơ cháy rừng, phá rừng và lấn chiếm đất lâm nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và các công cụ hỗ trợ trong công tác quản lý, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng; phối hợp cập nhật hiện trạng rừng, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

c) Phát triển kinh tế dưới tán rừng và kinh tế rừng

- Khuyến khích phát triển các mô hình nông - lâm kết hợp, trồng dược liệu, phát triển lâm sản ngoài gỗ và các mô hình sinh kế phù hợp dưới tán rừng gắn với bảo vệ và phát triển rừng bền vững; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đối với diện tích rừng phòng hộ, tập trung bảo vệ chức năng phòng hộ đầu nguồn, bảo vệ nguồn nước, giữ gìn cân bằng sinh thái; kết hợp phát triển các hoạt động phù hợp như trồng dược liệu, khai thác hợp lý lâm sản ngoài gỗ, dịch vụ môi trường rừng và du lịch sinh thái theo quy định.

- Đối với rừng sản xuất và diện tích đất ngoài quy hoạch lâm nghiệp, khuyến khích phát triển rừng trồng thâm canh, cây có giá trị kinh tế cao, phát triển lâm sản ngoài gỗ và các mô hình kinh tế gắn với bảo vệ, phát triển rừng bền vững; tăng cường liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm lâm nghiệp.

d) Nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dịch vụ môi trường rừng

Phối hợp triển khai hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng theo quy định; tuyên truyền, hướng dẫn các chủ rừng, cộng đồng dân cư sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được chi trả để tái đầu tư cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện sinh kế và nâng cao trách nhiệm bảo vệ rừng.

3.4. Lĩnh vực thủy sản

- Khai thác hiệu quả diện tích ao, hồ, đập và các mặt nước hiện có để phát triển nuôi trồng thủy sản phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương; khuyến khích đa dạng hóa đối tượng nuôi theo hướng phát huy lợi thế từng vùng, nâng cao hiệu quả sử dụng mặt nước và tăng giá trị sản xuất.

- Tập trung phát triển các đối tượng thủy sản truyền thống và các mô hình nuôi có giá trị kinh tế như lươn, ếch, ốc và một số đối tượng nuôi phù hợp theo quy mô hộ gia đình, tổ hợp tác, gắn với áp dụng quy trình sản xuất an toàn, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Khuyến khích áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong nuôi trồng thủy sản; tăng cường quản lý môi trường nuôi, phòng, chống dịch bệnh, sử dụng hiệu quả nguồn nước, từng bước hình thành các mô hình sản xuất theo hướng tuần hoàn, góp phần phát triển ngành thủy sản bền vững, nâng cao thu nhập cho người dân.

4. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật - xã hội nông thôn đồng bộ, từng bước hiện đại

4.1. Hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp

- Lồng ghép và huy động hiệu quả các nguồn lực để đầu tư, nâng cấp, sửa chữa, kiên cố hóa hệ thống thủy lợi, hồ chứa, ao đập, kênh mương nội đồng và các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp; thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, bảo đảm chủ động nguồn nước phục vụ sản xuất và phòng, chống thiên tai.

- Rà soát, đề xuất đầu tư, nâng cấp hạ tầng phục vụ sản xuất tại các vùng sản xuất tập trung; ưu tiên giao thông nội đồng, hệ thống tưới tiêu, điện phục vụ sản xuất và các công trình thiết yếu, đáp ứng yêu cầu cơ giới hóa và phát triển nông nghiệp bền vững.

- Khuyến khích các tổ chức, hợp tác xã, doanh nghiệp và người dân đầu tư cơ sở sơ chế, bảo quản nông sản, kho chứa, điểm thu mua và các công trình phục vụ liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản gắn với vùng nguyên liệu; từng bước giảm tổn thất sau thu hoạch và nâng cao giá trị sản phẩm.

- Huy động, lồng ghép các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án và nguồn lực xã hội hóa để đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp phù hợp với quy hoạch và điều kiện thực tế của địa phương.

4.2. Hạ tầng phục vụ chế biến nông sản và phát triển ngành nghề nông thôn

- Rà soát, đề xuất đầu tư, nâng cấp hạ tầng phục vụ sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản gắn với vùng nguyên liệu; lồng ghép các nguồn vốn để từng bước hoàn thiện hệ thống kho bảo quản, điểm thu mua, cơ sở sơ chế, chế biến phù hợp với nhu cầu phát triển sản xuất của địa phương.

- Khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản; từng bước nâng cao năng lực chế biến các sản phẩm chủ lực như cà phê, sầu riêng, mắc ca, chè và các nông sản khác.

- Quan tâm đầu tư, nâng cấp các điểm giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của địa phương.

4.3. Hạ tầng giao thông nông thôn

- Lồng ghép và huy động hiệu quả các nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cùng các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư, nâng cấp, sửa chữa hệ thống giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, đáp ứng nhu cầu sản xuất, vận chuyển nông sản và đi lại của Nhân dân.

- Ưu tiên đầu tư, nâng cấp các tuyến đường kết nối vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu với các điểm thu mua, sơ chế, chế biến và tiêu thụ nông sản; tạo điều kiện thuận lợi cho cơ giới hóa sản xuất, giảm chi phí vận chuyển và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

- Thường xuyên rà soát, duy tu, bảo trì và đề xuất đầu tư các công trình giao thông phục vụ sản xuất; huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư trong quản lý, bảo vệ và khai thác hiệu quả hệ thống giao thông nông thôn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới.

4.4. Hạ tầng số, môi trường và nước sạch nông thôn

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông tiếp tục mở rộng, nâng cao chất lượng hạ tầng viễn thông, internet băng rộng và hạ tầng số trên địa bàn; thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, quản lý vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, sản xuất, tiêu thụ nông sản và phát triển nông nghiệp.

- Rà soát, đề xuất lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, dự án để đầu tư, nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn; quản lý, khai thác hiệu quả các công trình cấp nước tập trung trên địa bàn. Phần đầu đến năm 2030 có từ 70% dân số sử dụng nước sạch theo quy chuẩn và 100% dân số sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Tăng cường công tác thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt; kiểm soát ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, sơ chế, chế biến nông sản và ngành nghề nông thôn; khuyến khích áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn, sử dụng chế phẩm sinh học và tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp nhằm giảm phát thải, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

4.5. Hạ tầng giáo dục, y tế và an sinh xã hội nông thôn

- Tiếp tục lồng ghép, huy động các nguồn lực để đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất trường học, trạm y tế, thiết chế văn hóa, thể thao và các công trình phục vụ dân sinh theo tiêu chí nông thôn mới, đáp ứng nhu cầu học tập, chăm sóc sức khỏe và sinh hoạt của Nhân dân.

- Nâng cao chất lượng hoạt động y tế cơ sở; thực hiện hiệu quả các chương trình chăm sóc sức khỏe Nhân dân, bảo hiểm y tế toàn dân, vệ sinh môi trường và chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế; nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế tại tuyến cơ sở.

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách giảm nghèo, giải quyết việc làm, đào tạo nghề và hỗ trợ phát triển sinh kế; lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách tín dụng ưu đãi và các chương trình, dự án để hỗ trợ người dân phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững; phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều bình quân từ 1,0–1,5%/năm theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026–2030.

5. Phát triển kinh tế nông thôn và nâng cao đời sống người dân

5.1. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp

- Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác nông nghiệp; hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị, xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh và mở rộng liên kết với doanh nghiệp trong sản xuất, sơ chế, chế biến và tiêu thụ nông sản.

- Khuyến khích các hợp tác xã tham gia phát triển vùng nguyên liệu, tổ chức sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ và tuần hoàn; nâng cao vai trò của hợp tác xã trong cung ứng dịch vụ đầu vào, hỗ trợ thành viên và tổ chức sản xuất.

- Tăng cường hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác tiếp cận các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể; nâng cao năng lực quản trị, đào tạo nguồn nhân lực, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và mở rộng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

5.2. Phát triển sản phẩm OCOP và kinh tế nông thôn

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); hỗ trợ các chủ thể phát triển, nâng hạng sản phẩm OCOP gắn với các sản phẩm có lợi thế của địa phương như cà phê, sầu riêng, mắc ca, chè và các sản phẩm chế biến từ nông sản.

- Hỗ trợ các chủ thể xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, bao bì, truy xuất nguồn gốc; tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ và nâng cao giá trị sản phẩm.

- Khuyến khích phát triển các mô hình du lịch nông nghiệp, du lịch trải nghiệm gắn với vùng sản xuất, văn hóa truyền thống, cảnh quan nông thôn và Chương trình xây dựng nông thôn mới; góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập và phát triển kinh tế nông thôn bền vững.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 251/KH-UBND ngày 04/8/2026 của UBND xã Di Linh về triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn xã Di Linh giai đoạn 2026–2030; phân đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ theo Kế hoạch đã đề ra.

6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và cơ giới hóa trong nông nghiệp

6.1. Thực hiện chuyển đổi số trong quản lý nhà nước và xây dựng cơ sở dữ liệu nông nghiệp

- Xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và cơ giới hóa là động lực quan trọng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành nông nghiệp; thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại và bền vững.

- Triển khai thực hiện chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về nông nghiệp; phối hợp cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu về vùng sản xuất, mã số vùng trồng, cơ sở sản xuất, sản phẩm OCOP, cơ sở chăn nuôi, công trình thủy lợi và các dữ liệu chuyên ngành theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu chuyên ngành; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê, theo dõi, báo cáo, quản lý và chỉ đạo điều hành; khai thác, sử dụng hiệu quả các nền tảng số do cơ quan có thẩm quyền triển khai phục vụ quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc, kết nối tiêu thụ nông sản và phát triển kinh tế số nông thôn.

6.2. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật

- Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất; khuyến khích áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, sản xuất an toàn, VietGAP, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái và nông nghiệp tuần hoàn; sử dụng giống chất lượng cao, công nghệ tưới tiết kiệm, phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học và các giải pháp canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm.

- Khuyến khích các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và người dân từng bước ứng dụng công nghệ phù hợp trong quản lý sản xuất, giám sát chất lượng và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

6.3. Thúc đẩy truy xuất nguồn gốc và chuyển đổi số trong sản xuất, tiêu thụ nông sản

- Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, ứng dụng mã QR và các nền tảng số theo quy định; phối hợp quản lý, cập nhật thông tin về mã số vùng trồng, sản phẩm OCOP và các cơ sở sản xuất trên địa bàn.

- Khuyến khích các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và hộ sản xuất ứng dụng nền tảng số, thương mại điện tử và các kênh bán hàng trực tuyến để quảng bá, giới thiệu, kết nối và tiêu thụ sản phẩm; từng bước hình thành và phát triển kinh tế số trong nông nghiệp, nông thôn.

6.4. Đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp

- Khuyến khích áp dụng cơ giới hóa phù hợp trong các khâu làm đất, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, chế biến và bảo quản nông sản nhằm giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm.

- Tạo điều kiện để các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và người dân tiếp cận các chương trình, chính sách hỗ trợ về cơ giới hóa, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp theo quy định.

6.5. Nâng cao năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số

- Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn nâng cao năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, thương mại điện tử và kỹ năng số cho cán bộ, hợp tác xã, doanh nghiệp và người dân; từng bước nâng cao năng lực quản lý, tổ chức sản xuất và tiêu thụ nông sản trên môi trường số.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp và các đơn vị liên quan trong chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Phối hợp chuyển giao, nhân rộng các giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao, phù hợp với điều kiện sinh thái của địa phương; khuyến khích sử dụng giống được công nhận, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

6.6. Phát triển thương mại điện tử và kinh tế số nông thôn

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế số nông thôn; khuyến khích các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và hộ sản xuất ứng dụng thương mại điện tử, nền tảng số và các kênh bán hàng trực tuyến trong quảng bá, giới thiệu, kết nối và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP và sản phẩm đặc trưng của địa phương.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể sản xuất, kinh doanh từng bước tham gia các sàn thương mại điện tử, ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt, truy xuất nguồn gốc điện tử và các nền tảng số phục vụ sản xuất, kinh doanh theo quy định.

- Phối hợp triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP và sản phẩm đặc trưng của địa phương thông qua các nền tảng số và các chương trình do cơ quan có thẩm quyền tổ chức.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân chấp hành quy định của pháp luật trong hoạt động thương mại điện tử; nâng cao nhận thức về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bảo đảm chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, xây dựng và bảo vệ uy tín, thương hiệu nông sản của địa phương.

7. Phát triển công nghiệp chế biến, dịch vụ hỗ trợ và liên kết thị trường

- Khuyến khích phát triển các cơ sở sơ chế, chế biến nông sản gắn với vùng nguyên liệu; ưu tiên các sản phẩm chủ lực của địa phương như cà phê, sầu riêng, mắc ca, chè và các nông sản có lợi thế nhằm nâng cao tỷ lệ chế biến, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

- Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư kho bảo quản, thiết bị sơ chế, chế biến và bảo quản sau thu hoạch; phát triển các dịch vụ cung ứng giống, vật tư nông nghiệp, tư vấn kỹ thuật, tín dụng và các dịch vụ hỗ trợ phục vụ sản xuất.

- Đẩy mạnh liên kết giữa người sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã và doanh nghiệp trong phát triển vùng nguyên liệu, tổ chức sản xuất, thu mua, sơ chế, chế biến và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị; nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm và khả năng truy xuất nguồn gốc.

- Khuyến khích thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; mở rộng liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, góp phần phát triển bền vững ngành nông nghiệp của địa phương.

8. Bảo vệ môi trường, quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững

- Bảo vệ môi trường và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên là yêu cầu xuyên suốt trong phát triển nông nghiệp, nông thôn; tăng cường phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường, xử lý hiệu quả chất thải trong sản xuất, chăn nuôi, chế biến nông sản và sinh hoạt dân cư nhằm cải thiện chất lượng môi trường sống ở khu vực nông thôn.

- Quản lý, khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất, nước, rừng và đa dạng sinh học; đẩy mạnh các mô hình sản xuất thân thiện với môi trường, nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Chủ động phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm hạn chế thiệt hại cho sản xuất và đời sống Nhân dân.

- Phát triển không gian nông thôn xanh, sạch, đẹp; tăng cường bảo vệ cảnh quan sinh thái, môi trường làng nghề, giữ gìn an ninh, trật tự và an toàn xã hội, góp phần xây dựng nông thôn phát triển bền vững, thích ứng với điều kiện mới.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã trong bảo vệ môi trường, phân loại và xử lý rác thải, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và giữ gìn cảnh quan nông thôn.

- Khuyến khích chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp tại các khu vực chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiếu nước hoặc có nguy cơ suy thoái đất; tăng cường các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng hiệu quả tài nguyên và phát triển nông nghiệp xanh.

9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của UBND xã; phát huy trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và các thôn trong tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

- Rà soát, triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- củng cố, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác nông nghiệp; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, hợp tác xã và cộng đồng dân cư trong tổ chức thực hiện.

- Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế nông thôn.

- Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân tham gia đầu tư sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản và phát triển kết cấu hạ tầng.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhân rộng các mô hình hiệu quả và biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ.

IV. Nguồn lực thực hiện

- Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án, dự án của Trung ương, của tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch; ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí sự nghiệp được giao hằng năm; chủ động đề xuất, lồng ghép các nguồn vốn để đầu tư, nâng cấp hạ tầng thủy lợi, giao thông nội đồng, cấp nước sinh hoạt, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, phát triển vùng sản xuất tập trung và các công trình thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống của Nhân dân.

- Khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất và các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, liên kết phát triển sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản; huy động các nguồn lực xã hội hóa phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

V. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Kinh tế

- Chủ trì tham mưu UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch.

- Là đầu mối tiếp nhận, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của các cơ quan, đơn vị và các thôn trong quá trình thực hiện; tham mưu UBND xã xem xét, chỉ đạo giải quyết hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Tham mưu tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn theo chức năng được giao; tập trung cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển vùng sản xuất tập trung, kinh tế tập thể, Chương trình OCOP, chuyển đổi số trong nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quản lý trồng trọt, chăn nuôi, thú y, bảo vệ thực vật, thủy lợi, lâm nghiệp, thủy sản, phòng, chống thiên tai và bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và người dân phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ sản phẩm.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên triển khai các chương trình, dự án, mô hình phát triển nông nghiệp; tham mưu huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định; tham mưu UBND xã tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả triển khai trong thời gian tiếp theo.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Chủ trì tham mưu UBND xã thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế, giảm nghèo bền vững, đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực và các tiêu chí xây dựng nông thôn mới thuộc lĩnh vực phụ trách.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường, chuyển đổi số và phát triển kinh tế nông thôn.

- Tham mưu UBND xã triển khai công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số trong lĩnh vực được phân công; phối hợp nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ về giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, bảo hiểm y tế, xây dựng đời sống văn hóa; phát triển du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng gắn với các sản phẩm đặc trưng của địa phương.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo; tham gia sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định.

3. Văn phòng HĐND và UBND xã

- Phối hợp với Phòng Kinh tế và các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; tham mưu UBND xã tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện; chuẩn bị nội dung phục vụ các cuộc họp, sơ kết, tổng kết theo chỉ đạo.

- Quản lý, cập nhật và đăng tải các văn bản chỉ đạo, điều hành, thông tin tuyên truyền, kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch trên Trang thông tin điện tử của xã; phối hợp thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền theo quy định.

- Tham mưu bảo đảm các điều kiện phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã; phối hợp thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, quản lý và lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

4. Công an xã

- Chủ trì tham mưu UBND xã thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn; chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến tài nguyên, môi trường, lâm nghiệp, an toàn thực phẩm và các lĩnh vực khác theo thẩm quyền.

- Phối hợp thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy, phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; tham gia bảo vệ tính mạng, tài sản của Nhà nước và Nhân dân khi xảy ra thiên tai, sự cố hoặc các tình huống phức tạp về an ninh, trật tự.

- Phối hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật; vận động Nhân dân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, góp phần xây dựng nông thôn mới an toàn, ổn định và phát triển bền vững.

5. Ban Chỉ huy Quân sự xã

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương gắn với phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới và bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn.

- Chủ động xây dựng lực lượng, phương tiện, sẵn sàng tham gia ứng phó sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; phối hợp huy động lực lượng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ Nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai, bảo vệ tính mạng, tài sản của Nhà nước và Nhân dân.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và các thôn bảo vệ các công trình trọng điểm, công trình thủy lợi, hồ chứa, đập, các khu vực sản xuất nông nghiệp và các công trình hạ tầng thiết yếu khi xảy ra thiên tai, sự cố hoặc các tình huống ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh theo quy định.

6. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã

- Chủ trì tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, thú y, bảo vệ thực vật; chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật; hướng dẫn người dân áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, sản xuất an toàn, nông nghiệp sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hướng dẫn xây dựng, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả; hỗ trợ phát triển sản xuất theo các tiêu chuẩn chất lượng, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp.

- Thực hiện công tác điều tra, thống kê, theo dõi tình hình sản xuất; hướng dẫn phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; phòng, chống thiên tai, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác theo quy định.

- Chủ động xây dựng tin, bài, tài liệu tuyên truyền; phối hợp tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy trình kỹ thuật, mô hình sản xuất hiệu quả, tiến bộ khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong nông nghiệp thông qua hệ thống thông tin cơ sở và các hình thức tuyên truyền phù hợp.

- Tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ; hỗ trợ người dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và các tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp nâng cao năng lực sản xuất, quản lý và phát triển sản xuất theo định hướng của Kế hoạch.

7. Các thôn trên địa bàn xã

- Căn cứ nội dung Kế hoạch phối hợp tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn hướng dẫn người dân phát triển sản xuất, ứng dụng khoa học - kỹ thuật, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, phòng chống thiên tai, phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn.

- Phối hợp thực hiện công tác giám sát cộng đồng, kịp thời phát hiện và báo cáo các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn.

- Chủ động rà soát, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ sản xuất, đào tạo nghề, xây dựng mô hình phát triển kinh tế; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện về UBND xã để xem xét, giải quyết.

8. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép các nội dung của Kế hoạch vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị để tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm hiệu quả, đúng tiến độ; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao, góp phần hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

- Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn; xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế tập thể.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; phối hợp nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Kế hoạch.

- Tích cực vận động hội viên, đoàn viên xây dựng các mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác và các mô hình liên kết sản xuất.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 20/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Phòng Kinh tế để tổng hợp, tham mưu UBND xã xem xét, quyết định theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- TT. Đảng ủy xã;
- TT. HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- UBMTTQ Việt Nam và các tổ chức CTXH xã;
- Các phòng: Kinh tế, Văn hóa – Xã hội;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Di Linh;
- Trưởng các thôn;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Nhật Thi